Tên: ……..

Lớp: S8…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Week: 2

Từ vựng HW: ……

Nghe HW: ……

UNIT 1: LANGUAGES OF THE WORLD - VOCABULARY & PRESENTATION

A. VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://on.soundcloud.com/2hQhKSrOt7THoGdUgd

- Common idioms:

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**it's as easy as ABC** (idiom)	dễ như ăn kẹo, dễ như đọc bảng chữ cái	12	**get on your nerves** (idiom)	làm ai đó phiền, chọc tức ai đó
2	**go from bad to worse** (idiom)	ngày càng tồi tệ hơn, từ xấu thành tồi tệ	13	**every so often** (idiom)	thỉnh thoảng, đôi khi
3	**a piece of cake** (idiom)	dễ như ăn bánh, chuyện nhỏ	14	**a pain in the neck** (idiom)	một kẻ/việc gây phiền phức
4	**on the dot** (idiom)	chính xác từng phút	15	**out of the question** (idiom)	không thể/ không được chấp nhận
5	**what on earth** (idiom)	cái gì thế này	16	**go through the roof** (idiom)	tăng vọt, cực kỳ giận dữ
6	**anybody's guess** (idiom)	chẳng ai biết được, chẳng ai đoán trước được	17	**up to you** (idiom)	tuỳ bạn/ bạn quyết định
7	**put your foot in it** (idiom)	lỡ lời làm ai đó phật lòng	18	**out of this world** (idiom)	tuyệt vời ngoài sức tưởng tượng
8	**on the one hand... on the other hand** (idiom)	một mặt thì… mặt khác thì	19	**to some extent** (idiom)	ở một mức nào đó
9	**haven't got the faintest idea** (idiom)	hoàn toàn không biết gì	20	**not in a million years** (idiom)	không đời nào
10	**on a knife-edge** (idiom)	trong tình thế rất căng thẳng, "ngàn cân treo sợi tóc"	21	**last but not least** (idiom)	sau cùng nhưng không kém quan trọng
11	**over the moon** (idiom)	rất vui sướng, rất hạnh phúc	22	**over the top** (idiom)	quá đà, phô trương quá mức

LIVEWORKSHEETS

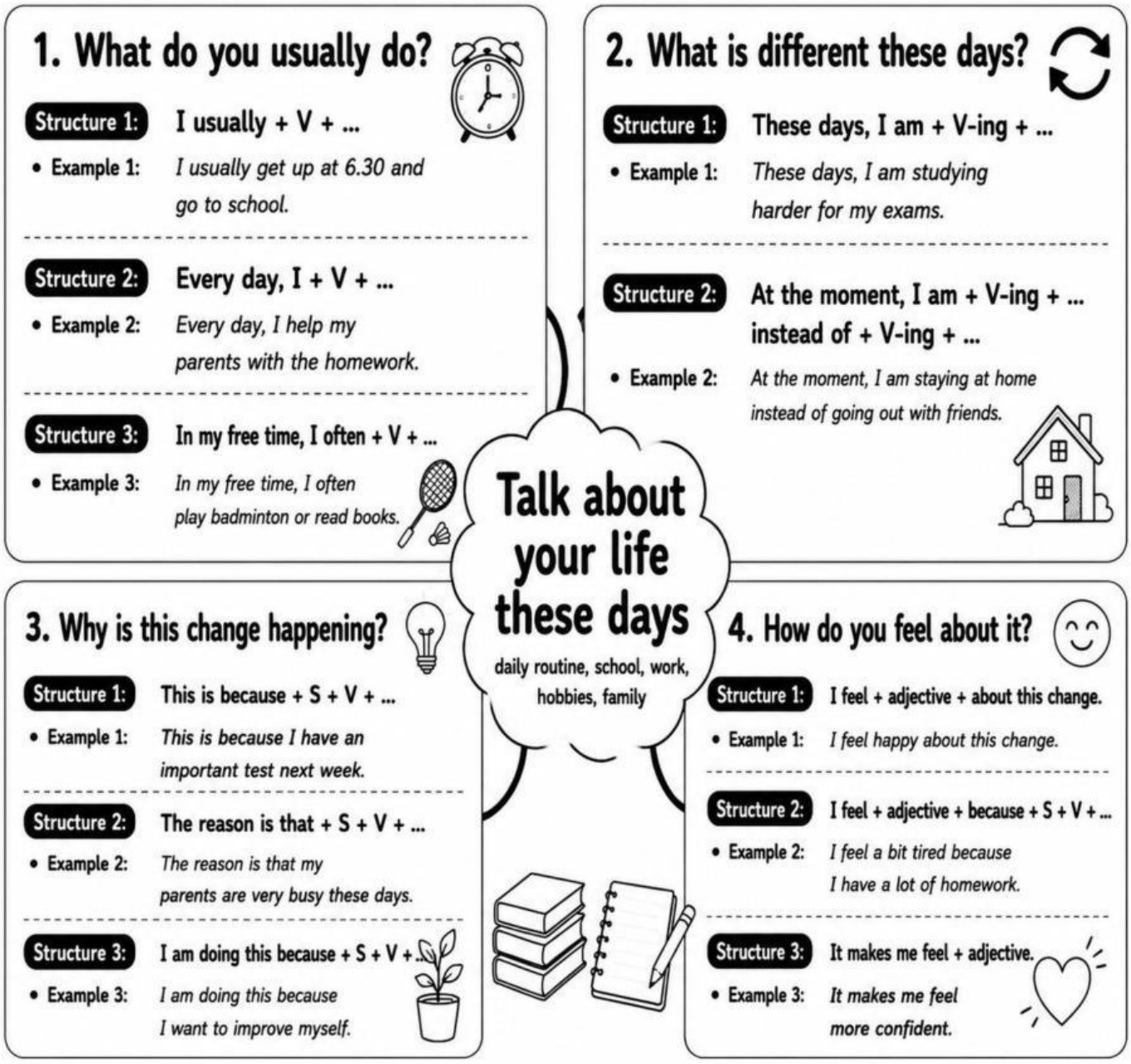
B. CLASSWORK

PRESENTATION

Talk about your life these days (for example: your daily routine, school, work, hobbies, or family).

Requirements:

- Speak for 1–2 minutes.
- Use both the Present Simple and the Present Continuous.
- Use at least 3 idioms you have learned.



LIVEWORKSHEETS

VOCABULARY (10 questions)

I. Fill in the blanks with the correct words from the box. Some words may not be used. Change the form if necessary.

out of this world	**on the dot**	**up to you**	**last but not least**
over the moon	**get on your nerves**	**a piece of cake**	**what on earth**

Anna: Hey Minh! How was your English speaking test yesterday?
Minh: It was surprisingly easy! I thought it would be hard, but it was **(1)** _____.
Anna: Lucky you! By the way, did the examiner start the test on time?
Minh: Yes, she called my name at 8:00 AM **(2)** _____.
Anna: Nice! And how about the presentation topic?
Minh: I talked about my trip to Da Nang. The seafood there was absolutely **(3)** _____!
Anna: Sounds great. So I guess you're **(4)** _____ now because the test was over!
Minh: Definitely! But waiting for the result was starting to **(5)** _____.

II. Rearrange the words/phrases to make complete sentences.

1. a real pain in the neck / Traffic noise / in this city. / is
   → _____
2. prices of food / Recently, / have gone through the roof. / the /
   → _____
3. how to fix / I haven't got / this computer. / the faintest idea
   → _____
4. bad to worse / the heavy rain. / went from / The traffic situation / during
   → _____
5. whether our team / It is anybody's guess / will win / the final match.
   → _____

C. HOMEWORK

VOCABULARY (15 questions)

I. Con cần học thuộc nghĩa của tất cả các từ trong bảng từ vựng và vở ghi (nếu có), đồng thời luyện phát âm theo file nghe nhé! Với những từ dưới đây, con hãy chép vào vở, mỗi từ một dòng để ghi nhớ cách viết: put your foot in it, on a knife-edge, go through the roof, a pain in the neck, out of this world, over the top, get on your nerves, on the one hand...on the other hand, anybody's guess, haven't got the faintest idea.

II. Match the idioms with their correct definitions.

1. on the one hand... on the other hand	1 - ___	A. sometimes, but not very often.
2. every so often	2 - ___	B. used to introduce a final point that is just as important as the others.
3. to some extent	3 - ___	C. extreme, excessive, or more than necessary.
4. last but not least	4 - ___	D. used to compare two different or opposite facts or ideas.
5. over the top	5 - ___	E. partly, but not completely.

LIVEWORKSHEETS

III. Circle the correct answers.

1. Mark really _____ when he asked Claire about her boyfriend, completely forgetting they had broken up last week.

A. a pain in the neck B. put his foot in it C. on a knife-edge D. over the top

2. "_____ are you doing with all those messy paints in the living room?" shouted Dad in surprise.

A. What on earth B. To some extent

C. Is over the moon D. Puts my foot in it

3. "Should we cycle to the park or stay home and play games?" - "It's completely _____; I'm fine with both."

A. over the top B. to some extent C. up to you D. every so often

4. Staying up late playing video games on school nights is _____ because my parents are very strict about my daily routine.

A. out of the question B. over the moon

C. up to you D. a piece of cake

5. Doing household chores like washing the dishes every evening can be a _____, but it helps my parents.

A. pain in the neck B. piece of cake

C. world of good D. on the other hand

IV. Find and correct the mistake in each sentence. Write FULL SENTENCES.

1. Learning basic cooking skills is as easily as ABC for most teenagers.

→ _____

2. The competition is on a knife-point, so everyone is feeling very nervous.

→ _____

3. In the hand, studying abroad is exciting; on the other hand, it can be very lonely.

→ _____

4. Last but not the least, I would like to thank my parents for supporting my daily studies.

→ _____

5. I agree with your idea to some extents, but we still need to consider the high cost.

→ _____

LIVEWORKSHEETS

LISTENING PRACTICE (6 questions)

Lưu ý:
1. Khi làm bài tập có từ mới, các con cần tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe nhé:
https://on.soundcloud.com/RDCm3UxaJfwKwA3pui

You will hear an interview with a man called Mickey Diaz, who is talking about his work as a hairdresser.

20. Why did Mickey decide to become a hairdresser?

A. He was offered a job by a friend.

B. He wanted to do what his family did.

C. He hoped to meet some famous people.

21. On a typical day at work, Mickey says that he

A. doesn't take enough time for breaks.

B. works longer hours than he would like to.

C. tries to do a range of jobs.

22. The part of the job which Mickey likes most is

A. creating new haircuts.

B. hearing about customers' lives.

C. using his imagination.

23. What part of his job does Mickey dislike?

A. having to do boring courses

B. sharing ideas with colleagues

C. dealing with difficult customers

24. How does Mickey feel after cutting a customer's hair?

A. worried that the customer may be annoyed.

B. proud of what he's achieved.

C. keen to continue learning.

25. Mickey recommends that people who want to work as hairdressers

A. shouldn't take the first job they're offered.

B. shouldn't believe they know everything.

C. shouldn't expect to earn much at first.

LIVEWORKSHEETS